

John Locke và quan niệm của ông về sự phân quyền nhà nước

Nguyễn Thị Tươi^(*)

Cao Thị Phương Thúy^(**)

Tóm tắt: John Locke (1632-1704) là nhà triết học cận đại người Anh, theo trường phái chủ nghĩa kinh nghiệm Anh trong lĩnh vực nhận thức luận. Ông được xem là một trong những cội nguồn của tri thức của phong trào Khai sáng châu Âu và là người đã làm được nhiều hơn bất cứ triết gia nào trong việc cung cấp những cơ sở lý luận cho chế độ dân chủ tự do. Bài viết trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của John Locke, phân tích quan niệm của ông về sự phân quyền nhà nước, trong đó nhấn mạnh quyền lập pháp. Đồng thời nêu lên những giá trị trong quan điểm phân quyền nhà nước của John Locke và sự vận dụng quan điểm này vào thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nhà nước pháp quyền, Quyền con người, Quyền tự nhiên, Quyền liên hiệp

1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp

John Locke là nhà tư tưởng, nhà khoa học vĩ đại người Anh, sinh ngày 29/8/1632 trong một gia đình thanh giáo tại thành phố Wrington, Anh. Ông sinh ra trong bối cảnh châu Âu nói chung và nước Anh nói riêng có những biến động lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Xu hướng hình thành các quốc gia - dân tộc, sự ra đời và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp, của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, sự phát triển cực thịnh của văn hóa Phục hưng... đã có những ảnh hưởng nhất định đến cuộc đời hoạt động chính trị và tư

tưởng của J. Locke. Ở nước Anh, đây là thời kỳ xung đột gay gắt giữa ngôi vua và nghị viện, ông là chứng nhân lịch sử, được sống thời kỳ cuối cùng của Cách mạng Vinh quang năm 1688, khi vua James II bị trục xuất khỏi Anh, định hình nền quân chủ Lập hiến. Không chỉ chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh thời đại, tư tưởng của J. Locke còn ảnh hưởng từ cha - một luật gia có tư tưởng cấp tiến, chống lại sự độc quyền chuyên chế của vua đương thời.

Từ năm 15 tuổi đến năm 19 tuổi, J. Locke học trung học tại ngôi trường nổi tiếng Westminster ở London. Năm 1652, ông theo học đại học tại trường Christ Church - ngôi trường danh giá ở Oxford. Tại đây, J. Locke nghiên cứu triết học, đạo

^(*) và ^(**) ThS., Trường Đại học Nội vụ Hà Nội; Email: nguotui96@gmail.com

đức, toán học, đặc biệt là logic và siêu hình học. Ông tốt nghiệp thạc sĩ năm 1661. Sau đó, ông được mời giảng dạy tiếng Hy Lạp và môn hùng biện tại trường Christ Church. Cũng trong thời gian này, J. Locke quyết định theo học ngành y. Từ quan hệ công việc với bác sỹ David Thomas, J. Locke có dịp tiếp xúc với Lord Anthony Ashley Cooper - một trong những người giàu có nhất nước Anh, có nhiều quan hệ với chính quyền. Khi A. A. Cooper trở thành nhân vật chính trị của nước Anh trong những năm 1670, J. Locke được mời làm bác sỹ riêng kiêm thư ký, phụ trách đặc vụ chính trị cho A. A. Cooper, rồi làm việc tại Ủy ban Thương mại - đây là bước ngoặt trong cuộc đời ông. Cũng từ thời kỳ này, A. A. Cooper là người có sức ảnh hưởng lớn tới tư tưởng chính trị - xã hội của J. Locke.

Năm 1674, khi A. A. Cooper rời khỏi chính quyền, J. Locke sang Pháp và hoàn tất chương trình y khoa. Tuy nhiên, năm 1682, A. A. Cooper bị kết tội phản quốc, chống lại nhà vua, thì J. Locke phải lánh sang Hà Lan sống như một nhà cách mạng lưu vong. Sau cuộc cách mạng năm 1688, ông quay trở về Anh và tiếp tục khẳng định được vị trí của mình trong công việc cũng như trong nghiên cứu khoa học. Năm 1696, Ủy ban Thương mại được phục hồi và J. Locke được mời trở lại làm việc, ông đã cống hiến những năm tháng cuối cuộc đời mình cho công việc tại đây. Do căn bệnh hen suyễn mãn tính, ngày 28/10/1704, J. Locke qua đời ở tuổi 72.

Nghiên cứu nhiều lĩnh vực, nhưng thành công lớn ở lĩnh vực chính trị và pháp luật, J. Locke được xem là một trong những cội nguồn của tri thức của phong trào Khai sáng châu Âu. J. Locke đã để lại nhiều tác phẩm, nhiều công trình nghiên

cứu khoa học có giá trị như: *Luận về nhận thức con người*, (An Essay Concerning Human Understanding, 1689); *Thư bàn về sự khoan dung* (A Letter Concerning Toleration, 1689); *Hai khảo luận về chính quyền* (Two Treatises of Government, 1689); *Một số suy nghĩ về giáo dục* (Some Thoughts Concerning Education, 1693) và *Tính hợp lý của Thiên chúa giáo* (The Reasonableness of Christianity, 1695). Trong *Hai khảo luận về chính quyền*, thì *Khảo luận thứ nhất về chính quyền* nhằm vào việc biện bác cách nhìn gia trưởng về thánh quyền của vua chúa; *Khảo luận thứ hai về chính quyền* có tựa phụ là “Luận về nguồn gốc, phạm vi và mục đích chân chính của chính quyền dân sự”.

Khảo luận thứ hai về chính quyền được xem là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất của chính trị học nhân loại, thể hiện rõ nhất quan điểm của J. Locke về nhà nước, về quyền tự nhiên, về khế ước xã hội và quan điểm về sự phân quyền trong nhà nước là một trong những giá trị cốt lõi của tư tưởng chính trị mang tinh thần Khai sáng. Trong tác phẩm này, J. Locke từng khẳng định: nhân dân có quyền hành động với tư cách quyền lực tối cao và tự mình tiếp tục công việc lập pháp, hoặc dựng lên một hình thức chính quyền mới, hoặc vẫn theo hình thức cũ đó nhưng được đặt vào tay những con người mới, theo những gì họ cho là tốt đẹp (J. Locke, 2017: 22). Tinh thần ấy đã được Hồ Chí Minh - Lãnh tụ xuất sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp thu và vận dụng trong sự nghiệp xây dựng đất nước, góp phần hình thành điểm mới mang tính cách mạng trong quan điểm của Người về nhà nước: “Chính phủ làm hại dân, thì dân có quyền đuổi Chính phủ” (*Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 5, 2000: 60).

Như vậy có thể thấy, với niềm đam mê nghiên cứu và những trải nghiệm phong phú từ cuộc đời hoạt động của mình, J. Locke đã có đóng góp lớn vào kho tàng lý luận của nhân loại.

2. Quan điểm của J. Locke về sự phân quyền nhà nước

Lý thuyết về sự phân quyền được bắt nguồn sâu xa từ triết học phương Tây thời cổ đại và đạt đến đỉnh cao ở thế kỷ XVII - XVIII. Sự phát triển của phong trào Phục hưng thế kỷ XIV - XVII, đỉnh cao ở thế kỷ XVI đã đưa đến sự ra đời của những tư tưởng mới về nhà nước, pháp luật và mối liên hệ giữa nhà nước với pháp luật. Những tư tưởng về con người, về nhà nước, về tự do và quyền con người thời kỳ này là tiền đề cho sự ra đời của phong trào Khai sáng.

Quan điểm về sự phân quyền của J. Locke được kế thừa những giá trị tích cực từ quan niệm về nhà nước và pháp luật của nhà triết học người Anh Thomas Hobbes (1588-1679). T. Hobbes cho rằng, ở “trạng thái tự nhiên” (vô chính phủ), xã hội loài người là “cuộc chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”. Từ bản tính của con người và từ trong chính cuộc đấu tranh của con người, để bảo vệ tính mạng và cuộc sống của mình, buộc con người phải thoát ra khỏi “trạng thái tự nhiên” bằng cách thiết lập và giữ gìn nền hòa bình với mọi người thông qua hình thức khế ước, kết quả là nhà nước xuất hiện. Nhà nước là sự thỏa thuận chung theo khế ước do bản thân nhân dân sáng tạo ra, “theo hình ảnh con thúy quái *Leviathan* trong truyền thuyết”, nắm trọn quyền lực tối cao có được từ sự chuyển nhượng của nhân dân. Nhân dân nhượng lại một phần quyền tự do của mình và nhà nước sẽ làm giảm những khát vọng tự nhiên thái quá của con người

nhằm đưa đến một trật tự xã hội ổn định (Dẫn theo: Bùi Văn Nam Sơn, 2012: 297).

Đến J. Locke, trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, ông đã lý giải sự hình thành nhà nước là nhằm giải quyết xung đột giữa trạng thái tự nhiên và trạng thái chiến tranh của con người. Con người tự thỏa thuận liên kết với nhau trong một cộng đồng nhằm đảm bảo an ninh và cuộc sống cộng đồng, thỏa thuận đó là khế ước xã hội và nhà nước ra đời trên cơ sở đó. Ông cho rằng, mục đích của việc thiết lập nhà nước là hướng tới hạnh phúc nhân dân - luật tối cao của mọi chính quyền. J. Locke coi nhân dân là lực lượng quan trọng nhất trong giới hạn quyền lực nhà nước. Theo ông, dân chúng không chuyển giao hết quyền lực của mình cho nhà nước, mà họ vẫn giữ lại một phần cho mình. Khi chính quyền vi phạm quyền tự nhiên của nhân dân, không làm hết thẩm quyền,... thì nhân dân sẽ sử dụng một đặc quyền của mình - đó là thu hồi lại sự ủy thác quyền lực và trao lại cho những người mà nhân dân tin tưởng hơn (J. Locke, 2017). Ví dụ, nhà vua sẽ bị tước bỏ quyền lực, nếu vua tự ý ban hành pháp luật mà không có ý kiến của nghị viện; hay nếu vua tự ý thay đổi chế độ bầu cử thì nhân dân có quyền đấu tranh bảo vệ quyền công dân của mình... Học thuyết chính trị của J. Locke có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của hệ tư tưởng chính trị tư sản sau này, điển hình là Charles Louis de Secondat Montesquieu (1689-1755) và J. J. Rousseau (1712-1778).

Nếu theo T. Hobbes, nhà nước như một con quái vật khổng lồ - *Leviathan*, có quyền lực tuyệt đối, quyền lực nhà nước là không thể phân chia, thì J. Locke lại cho rằng nhân dân chỉ giao một phần quyền của mình cho nhà nước và giữ lại một

phần cho mình. Điều này được thể hiện rõ trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, trong đó J. Locke phân chia quyền lực nhà nước thành các cơ quan hành pháp, lập pháp và liên hiệp.

Lập pháp là cơ quan quyền lực cao nhất trong bộ máy nhà nước và thuộc về nghị viện. Nghị viện phải họp định kỳ để thông qua các đạo luật còn việc thực hiện chúng thuộc về cơ quan hành pháp. Cơ quan lập pháp được xem là linh hồn của toàn bộ hệ thống chính trị, là cơ sở để mọi công dân có thể xác định được giới hạn và phạm vi quyền lực của mình. Nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ quan lập pháp, J. Locke cho rằng, cơ quan lập pháp không chỉ là cơ quan quyền lực tối cao của cộng đồng quốc gia, mà còn là “quyền lực thiêng liêng và không thể hoán chuyển một khi cộng đồng đã đặt nó vào đâu; mà cũng không thể có bất kỳ sắc lệnh nào - của bất kỳ cơ quan nào, hay dù có được sự hậu thuẫn của quyền lực nào - mà lại có được sức mạnh và nghĩa vụ của một *luật định*, khi mà sắc lệnh đó vốn không có sự *phê chuẩn của cơ quan lập pháp* mà công chúng đã chọn và chỉ định” (Xem: J. Locke, 2017: 183). Theo đó, có thể thấy, quyền lập pháp được J. Locke đồng nhất với quyền lực nhà nước.

Quyền lực của cơ quan lập pháp là quyền lực của nhân dân, do nhân dân chuyển giao bằng *khế ước xã hội* nên nó bị hạn chế bởi khế ước đó, không được đi ngược lại với lợi ích của nhân dân và càng không thể là sự thể hiện của một ý chí tùy tiện. Việc ban hành luật pháp là một trong những điều kiện quan trọng để cơ quan lập pháp quản lý xã hội, cơ quan lập pháp có quyền lực tối cao nhưng bản thân nó cũng bị giới hạn bởi luật pháp. Làm rõ điều

này, J. Locke phân tích: “Bởi tất cả quyền lực mà chính quyền có chỉ phục vụ cho lợi ích của xã hội, nên việc nó không được mang tính *chuyên quyền* và tùy thích cũng ngang với việc nó phải được thực thi bằng các *luật được thiết định và ban hành chính thức*” (Xem: J. Locke, 2017: 191). Nếu T. Hobbes đề cao quyền cai trị của chúa tể *Leviathan* có sức mạnh vạn năng, quyền lực tối cao đặt trong tay chúa tể, thì với J. Locke, quyền lực tối cao được đặt vào cơ quan lập pháp, đại diện là nghị viện. Nói về phạm vi của quyền lực cơ quan lập pháp, trong *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, J. Locke đã chỉ ra những giới hạn nhất định của cơ quan quyền lực nhà nước này.

Thứ nhất, cơ quan lập pháp không phải mà cũng không thể là quyền lực độc đoán, chuyên chế đặt trên cuộc sống và vận mệnh của nhân dân, “vì sự tồn tại của nó chỉ là một quyền lực liên kết của các thành viên trong xã hội mà họ đã nhường lại cho cá nhân hay một nghị hội đóng vai trò là nhà lập pháp đó...” (Xem: J. Locke, 2017: 185). Nhân dân nhường quyền cho cơ quan lập pháp vì lợi ích chung của cộng đồng nên cơ quan này phải bảo vệ lợi ích của dân, chịu sự giới hạn vào lợi ích công của xã hội, không được chuyên quyền độc đoán, nô dịch hay làm bản cứng hóa nhân dân. J. Locke cho rằng, các nhà lập pháp phải xây dựng những quy tắc, luật lệ có lợi cho con người, phải phù hợp với luật tự nhiên, cũng tức là phù hợp với ý chí của thượng đế, với mục đích bảo toàn loài người.

Thứ hai, cơ quan lập pháp không thể nắm lấy cho mình quyền lực cai trị bằng những sắc lệnh chuyên quyền và tùy tiện. Tức là, luật không được tùy tiện cưỡng ép con người làm những điều bất hợp lý mà

bị “ràng buộc vào việc thực thi sự công bằng, việc đưa ra quyết định về các quyền của thân dân, bằng các luật thường trực đã ban hành, và từ những quan tòa được trao thẩm quyền mà mọi người biết đến...” (Xem: J. Locke, 2017: 188). Vì thế, luật phải “minh định”, khác với trạng thái “bất định” đã có ở trạng thái tự nhiên, mục đích cuối cùng là để hạn chế sự chuyên quyền.

Thứ ba, cơ quan lập pháp với quyền lực tối cao không thể lấy đi của bất kỳ ai phần sở hữu nào mà không có sự chấp thuận của anh ta, vì “bảo toàn sở hữu là mục đích của chính quyền, và cũng do điều này mà con người gia nhập vào xã hội, nên nhất thiết giả định và đòi hỏi rằng con người phải có sở hữu” (Xem: J. Locke, 2017: 191). Vấn đề sở hữu luôn được J. Locke quan tâm chú ý khi ông khẳng định cơ quan lập pháp và nghị viện có quyền điều chỉnh quan hệ tài sản giữa mọi người trong xã hội, nhưng không được lấy đi phần sở hữu của dân nếu không được sự đồng ý của họ.

Trước J. Locke, T. Hobbes đã từng khẳng định quyền được bảo vệ tài sản của con người là một quyền quan trọng. Con người sẽ có khuynh hướng trả thù mãnh liệt khi bị xâm phạm phần tài sản thuộc sở hữu của mình. J. Locke cho rằng, cơ quan lập pháp có quyền tối cao nhưng quyền quyết định vẫn nằm trong tay nhân dân. Điều đó cho thấy J. Locke là một nhà tư tưởng luôn đặt nhân dân ở vị trí quan trọng.

Thứ tư, cơ quan lập pháp không thể chuyển giao quyền làm luật vào tay bất kỳ ai khác, vì nó chỉ là quyền lực được ủy nhiệm từ nhân dân, nên những người có quyền lực đó không thể chuyển sang cho người khác... “Quyền lực của cơ quan lập pháp, vốn xuất phát từ nhân dân - do có sự

ban nhượng và chế định, mang tính tự nguyện và xác thực - không thể là gì khác ngoài điều mà sự ban nhượng chuyên nhượng xác thực đó đã truyền đạt, rằng cơ quan này chỉ làm luật chứ không làm ra các nhà lập pháp, do vậy cơ quan lập pháp không có quyền gì để chuyển thẩm quyền làm luật của mình và đặt nó vào nơi khác” (Xem: J. Locke, 2017: 195 - 196).

Về quyền hành pháp, J. Locke chỉ ra rằng: cần phải có một quyền lực luôn hiện diện để thực thi các luật đã làm nên và duy trì bằng nỗ lực của mỗi cá nhân. Cơ quan hành pháp có nhiệm vụ thi hành và giám sát pháp luật, cơ quan này luôn được duy trì và củng cố bằng biện pháp cưỡng chế đơn phương buộc mọi công dân phải tuân thủ pháp luật nếu không sẽ chịu sự trừng phạt. Theo J. Locke, quyền hành pháp bao hàm việc “thực thi các nội luật, có hiệu lực trên mọi thành phần có trong một xã hội” (Xem: J. Locke, 2017: 199), nên cơ quan hành pháp có quyền triệu tập cơ quan lập pháp, định ra phương hướng để thay đổi luật pháp hiện hành khi không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Khi cơ quan hành pháp không đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan lập pháp giao cho thì cơ quan lập pháp cũng có quyền tước bỏ quyền lực của cơ quan hành pháp.

Để tránh lạm quyền, cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp được J. Locke tách riêng, độc lập nhưng vẫn có mối liên hệ với nhau. Cơ quan hành pháp có đặc quyền triệu tập và giải tán hội nghị còn cơ quan lập pháp có quyền tối cao là làm ra luật để điều hành. Quyền hành pháp không phải chỉ để thi hành pháp luật, điều hành mọi hoạt động của xã hội mà còn góp phần làm ra những luật cụ thể và điều

hành những luật ấy. Quyền lực của cơ quan lập pháp chỉ thực hiện được khi có sự hỗ trợ của cơ quan hành pháp, có như vậy mới đảm bảo pháp luật được thực hiện, trật tự kỷ cương của xã hội được giữ vững. Hai cơ quan này đều thực hiện nghĩa vụ mà nhân dân ủy nhiệm nên phải tạo được niềm tin từ nhân dân, phải đảm bảo thực hiện được các quyền công dân. Vì thế, J. Locke cho rằng, nhân dân là chủ thể cao nhất nắm mọi quyền lực trong xã hội, nhân dân có quyền thay đổi cơ quan lập pháp khi họ thấy cơ quan này đi ngược lại sự ủy thác của mình.

Ngoài quyền lập pháp và hành pháp, theo J. Locke, còn có một quyền lực khác trong mỗi cộng đồng quốc gia mà người ta có thể xem là tự nhiên, vì nó là điều đáp ứng cho quyền lực mà mỗi người đương nhiên có trước khi gia nhập vào xã hội - đó là quyền *liên hiệp*. J. Locke cho rằng, “tất cả các giao kết với mọi cá nhân và cộng đồng bên ngoài cộng đồng quốc gia, và nếu muốn, có thể gọi là quyền liên hiệp,” (Xem: J. Locke, 2017: 199).

Quyền *liên hiệp* hay còn gọi là quyền liên bang, liên minh, đó là quyền quản lý các công việc đối thoại, giải quyết các vấn đề chiến tranh, hòa bình và đối ngoại. Theo cách hiểu hiện đại, quyền liên hiệp chính là việc thành lập các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện chức năng đoàn kết dân tộc đồng thời liên minh giữa các quốc gia với nhau để thực hiện luật pháp quốc gia và những cam kết quốc tế.

Quyền liên hiệp và quyền hành pháp có sự phân biệt thực sự. Quyền hành pháp thực thi các luật trong phạm vi một quốc gia, còn quyền liên hiệp liên quan đến lợi ích giữa các quốc gia với nhau. Tuy nhiên, chúng cũng có sự thống nhất với nhau,

nhất là trong sử dụng sức mạnh quyền lực. Theo J. Locke, “vì cả hai quyền lực này đều cần đến vũ lực của xã hội cho việc thực thi, nên hầu như phi thực tế khi đặt vũ lực của công quốc vào những bàn tay riêng biệt và không phụ thuộc nhau, tức phải đặt *cơ quan hành pháp* và *quyền lực liên hiệp* vào những cá nhân có thể hành động tách rời nhau, qua đó sẽ khiến sức mạnh cưỡng bức của cộng đồng được đặt dưới những mệnh lệnh khác nhau”. Để thực hiện tốt quyền liên hiệp, nó phải được giao cho những người “thông thái và cẩn trọng” (Xem: J. Locke, 2017: 200). Bằng khả năng của mình, họ sẽ đem về cho cộng đồng của mình những lợi thế, mang đến sự ổn định và phát triển lâu dài.

Như vậy, qua tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền* - “một trong những cuốn sách kinh điển nhất của lịch sử tư tưởng chính trị nhân loại”, “J. Locke đã đưa ra những tư tưởng tiên bộ về nhà nước và pháp luật. Ông là người đã khởi thảo ra học thuyết về sự phân quyền và là người đã phác họa ra những đặc điểm chung của nhà nước pháp quyền, đã luận chứng cho nguyên tắc phân quyền và tư tưởng phân quyền của J. Locke hơn hẳn so với các học giả thời kỳ cổ đại” (Dẫn theo: Vũ Duy Tú, 2016: 43). Tuy nhiên, quan điểm phân quyền của J. Locke có điểm đáng tiếc là ông chưa nhận thấy thẩm quyền tài phán lẽ ra phải thuộc về một quyền lực độc lập khác (quyền lực tư pháp) trong hệ thống các cơ quan nhà nước, nghĩa là chưa phân tách quyền tư pháp ra độc lập với quyền hành pháp. Hạn chế này của J. Locke về sau đã được bổ khuyết bởi Montesquieu trong hành trình kế thừa và phát triển.

J. Locke chống lại quan điểm của T. Hobbes về tính chất tuyệt đối không hạn

chế của quyền lực nhà nước. T. Hobbes chủ trương một nhà nước mạnh có quyền lực vô biên để đảm bảo an ninh công cộng và cho rằng độc tài chuyên chế còn hơn tình trạng vô chính phủ. Còn với J. Locke, ông phủ nhận hình thức nhà nước quân chủ chuyên chế tuyệt đối, chủ trương xây dựng một nhà nước phục vụ nhân dân. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để thiết kế một nhà nước *không thể lạm quyền*? J. Locke đưa ra giải pháp đó là sự phân quyền. Là người khởi thảo ra học thuyết về sự phân quyền, J. Locke dường như khẳng định một sự phân công lao động hợp lý, ở đó quyền lập pháp là quyền tối cao luôn thuộc về nhân dân.

Thực chất trong quan niệm về sự phân quyền của J. Locke đã có được tư tưởng hạn chế quyền lực nhà vua. Ông khẳng định khả năng nhân dân phế truất, thay đổi người nắm giữ quyền lực nếu chính quyền vi phạm, gây hại quyền tự nhiên của con người. Theo J. Locke, nhà nước do con người lập ra thì con người cũng có quyền loại bỏ nếu chính quyền ấy vi phạm quyền tự nhiên của con người. Đây là những điểm độc đáo, mang tính cách mạng, tiến bộ của J. Locke so với T. Hobbes.

3. Giá trị quan điểm về phân quyền nhà nước của J. Locke

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong triết học Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII phát triển liên tục như một dòng chảy nối tiếp nhau không ngừng nghỉ. Trong đó, T. Hobbes được biết đến là đại biểu đầu tiên đã bàn tới một cách chi tiết các vấn đề về quyền lực nhà nước. J. Locke là người tiếp tục dòng chảy liên tục của lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý nhân loại về phạm trù nhà nước, phạm trù

quyền lực và đánh một dấu mốc quan trọng - người khởi thảo ra học thuyết về sự *phân quyền*. Sau đó, Montesquieu là người có công lớn trong việc hoàn thiện lý thuyết phân quyền.

Quan điểm về sự phân quyền trong nhà nước của J. Locke có các ý nghĩa quan trọng sau đây:

Thứ nhất, quan điểm của J. Locke nói riêng và các nhà tư tưởng thời kỳ này nói chung *đã bước đầu xác lập quan điểm về một nền dân chủ pháp quyền*, không phải là dân chủ vô chính phủ, mà là một nền dân chủ có sự ước chế lẫn nhau giữa các chủ thể trong xã hội, một *nền dân chủ được cụ thể hóa và được đảm bảo bằng pháp luật*. Xuất phát từ nguyện vọng muốn được xóa bỏ chế độ chuyên chế, lập nên một nền cai trị mới vì lợi ích của đa số, phủ nhận chế độ quân chủ chuyên chế, J. Locke cho rằng một ông vua chuyên chế thường xâm phạm đến tự do và sở hữu cũng như các “quyền tự nhiên” của con người. Từ sự phê phán đó, các nhà tư tưởng đã hướng tới việc xác lập cơ sở lý luận để xây dựng một nền dân chủ pháp quyền, dựa trên các quan niệm về tự do, bình đẳng, dân chủ trên thực tế. J. Locke cho rằng, trong quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, nhân dân bao giờ cũng nắm quyền lực tối cao đối với toàn xã hội. Ông được coi là người dũng cảm công khai bảo vệ và bênh vực quyền công dân khi cho rằng công dân có quyền lực tối cao và họ có thẩm quyền thay đổi chính phủ phù hợp với nguyện vọng chung. Quyền lực đó không thể được đại diện bởi bất kỳ cá nhân nào mà phải được đại diện bởi ý chí của toàn xã hội. Các nhà nghiên cứu cho rằng, đây là đóng góp có ý nghĩa lớn và đã được kế thừa trước hết và tốt nhất trong

hoạt động, tổ chức và thực thi quyền lực của các nhà nước tư sản hiện đại. Quan điểm đó đưa đến sự ra đời của ý tưởng về nhà nước dân chủ “của dân, do dân và vì dân” mà nhiều nước trên thế giới đang tiến hành xây dựng, trong đó có Việt Nam.

Thứ hai, trong quan niệm về nhà nước pháp quyền, quan điểm của J. Locke chú ý tới các yếu tố của hình thức tổ chức chính quyền tốt nhất, đặt ra vấn đề về cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực chính trị.

J. Locke khởi thảo học thuyết phân quyền với việc phân chia quyền lực nhà nước thành quyền lập pháp, hành pháp và liên hiệp, trong đó cộng đồng xã hội giữ quyền phán xử. Sau này Montesquieu đã kế thừa để đưa ra cơ chế *chống lạm quyền, chú ý kiểm soát quyền lực nhà nước.*

Quan điểm về sự phân quyền trong nhà nước của J. Locke nói riêng và tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong triết học Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII nói chung đã được những người Giacobanh (Jacobin) tiếp nhận như một học thuyết cách mạng. Tư tưởng tự do, bình đẳng mà các nhà tư tưởng khơi nguồn đã trở thành ngọn cờ lý luận của cách mạng tư sản Pháp (1789) với khẩu hiệu: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Ảnh hưởng lớn đến các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu lúc đó, những tư tưởng về quyền tự nhiên, về tự do, bình đẳng, về dân chủ của các nhà triết học - chính trị thế kỷ XVII - XVIII được thể hiện rõ trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của Mỹ, trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp (1789). Có tới hơn mười điều khoản trên tổng số mười bảy điều khoản của Tuyên ngôn chỉ là sự diễn đạt khác đi những gì mà các ông đã bàn luận. Tinh thần đó còn

được thấm nhuần trong Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước. Ngay từ khi hình thành những nét phác thảo đầu tiên, Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước đã không phải là nhà nước quân chủ phong kiến lỗi thời, nhà nước thuộc địa hay nhà nước tư sản, mà đó là nhà nước kiểu mới theo hướng pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn thấm nhuần việc lấy việc phát huy dân chủ làm cốt lõi, làm nền tảng cho một nền chính trị ổn định. Điều đó được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đảng, gần đây nhất, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội” và việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải được “tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 38, 39).

Tư tưởng chính trị Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII đã để lại nhiều dấu ấn khó phai trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ở thời đại mà J. Locke đang sống, những tư tưởng đó có giá trị mang tính bứt phá thời đại, là cơ sở, là tiền đề để các nhà tư tưởng sau này như I. Kant (1724-1804), G. W. F Hegel (1770-1831) tiếp tục phát triển học thuyết về nhà nước pháp quyền, về sự phân quyền mà ông đã xây dựng trở thành hệ thống lý luận quan trọng định hướng cho thực tiễn tổ chức hoạt động của nhiều nhà nước trên thế giới. Tư tưởng của J. Locke về sự phân quyền nhà nước, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân cùng với những tư tưởng về nhà nước và

pháp luật dù khó tránh khỏi những hạn chế mang tính thời đại, nhưng nó có ảnh hưởng lớn đến lý luận và thực tiễn xây dựng nhà nước và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới, đưa “J. Locke lên vị trí là người khởi xướng lý luận về nhà nước pháp quyền và xã hội công dân” (Xem: Ngô Khắc Sơn, 2017).

Tại Việt Nam, xây dựng nhà nước pháp quyền là một tất yếu khách quan. Việc xây dựng Nhà nước Việt Nam hiện nay theo hướng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đại hội toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI, XII của Đảng đều khẳng định rõ việc tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân, thực sự là công cụ bảo vệ một cách vững chắc các quyền và tự do của nhân dân. Vì thế, việc nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền có vai trò hết sức cần thiết, nhất là trong điều kiện Việt Nam cần những bước đi vững chắc hơn trong hoạt động đổi mới hệ thống chính trị, củng cố hoạt động tổ chức bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 5 (2000), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. J. Locke (2017), *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Lê Tuấn Huy dịch và giới thiệu, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
4. Bùi Văn Nam Sơn (2012), *Trò chuyện triết học*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Ngô Khắc Sơn (2017), “Tu tưởng của J. Locke về kiểm soát quyền lực”, Tạp chí *Lý luận chính trị* điện tử, số tháng 3.
6. Lê Công Sự (2012), *Con người qua cái nhìn duy cảm của John Locke*, in trong sách “Con người qua lăng kính triết gia”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Montesquieu (2013), *Bàn về tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đạm dịch, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
8. Vũ Duy Tú (2016), *Lý thuyết phân quyền: Giá trị tham khảo trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.